

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2019/DS-PT

Ngày 09 - 9 - 2019

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1879/2019/QĐXX-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ Thị Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cao Thị L, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: đường 17, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1/. Ông Lý Văn R, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: M W A, CA 92804, USA.

Địa chỉ tạm trú: đường Tr, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1961.

Địa chỉ: M W A, CA 92804, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Thanh M, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: đường B, ấp T1, xã T2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Tôn Nữ Anh T, sinh năm 1989. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Bà Tôn Nữ Anh Th, sinh năm 1987. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố 7, phường T3, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lý Văn R, bà Nguyễn Thị Phương Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tôn Nữ Thị Tr có bà Cao Thị L đại diện trình bày:

Gia đình bà Tôn Nữ Thị Tr và vợ chồng ông Lý Văn R, bà Nguyễn Thị Phương Th trước đó có mối quan hệ thân thiết. Khi ông R bị bệnh và có nhu cầu vay tiền của bà Tr thì bà Tr đã nhiều lần cho vợ chồng ông R vay tiền, tổng cộng là 5.650.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Các lần bà Tr cho ông R, bà Th vay tiền bà Tr đều chuyển tiền từ tài khoản của bà (số 0390700000400040 tại Ngân Hàng TMCP S - PGD A) sang tài khoản số 1000190761 của ông Lý Văn R và tài khoản số 1000092726 của bà Nguyễn Thị Phương Th tại Ngân hàng C, Thành phố Hồ Chí Minh và hai lần bà Tr nhờ cháu ruột của bà là Tôn Nữ Anh T chuyển cho ông R số tiền 260.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lấy phiếu chuyển tiền làm cơ sở tính nợ sau này. Cụ thể các lần chuyển tiền như sau:

- Ngày 02/01/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

- Ngày 29/01/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

- Ngày 04/2/2013, bà Tr nhờ cháu bà là Tôn Nữ Anh T chuyển cho ông R vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng);

- Ngày 08/02/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

- Ngày 08/3/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

- Ngày 12/3/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

- Ngày 19/3/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 27/3/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 18/4/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 03/5/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 16/5/2013, bà Tr chuyển cho ông R vay 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 31/5/2013, bà Tr nhờ cháu bà là Tôn Nữ Anh T chuyển cho ông R vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

- Ngày 21/6/2013, bà Tr chuyển cho bà Th vay 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng);

- Ngày 04/7/2013, bà Tr chuyển cho bà Th vay 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng);

Như vậy, tổng cộng bà Tr, bà T chuyển tiền vào số tài khoản của ông R là 4.260.000.000 đồng (bốn tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng), chuyển tiền vào số tài khoản của bà Th là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Bà Tr đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông R phải trả lại số tiền nêu trên kể cả việc bà đã sang Hoa Kỳ để gặp vợ chồng ông R đòi nợ nhưng ông R, bà Th vẫn không trả nên bà Tr mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R, bà Th phải trả cho bà số tiền đã nhận của bà tổng cộng là 5.650.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà Tr không yêu cầu tính lãi.

Bà Tr hoàn toàn phủ nhận ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của ông R và bà Th cho rằng ông R cho bà Tr vay số tiền 11.248.600.000 đồng (mười một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) và số tiền trên là do bà Tr chuyển trả nợ cho vợ chồng ông R. Đối với cuốn sổ ghi chép phía bị đơn cung cấp cho Tòa án hoàn toàn không liên quan trong vụ án này, trong cuốn sổ hoàn toàn không có chữ viết, chữ ký của nguyên đơn. Nguyên đơn được biết cuốn sổ này đang là chứng cứ trong vụ kiện tranh chấp khác.

Căn cứ vào văn bản trả lời của Ngân hàng TMCP S ngày 08/11/2018 có nội dung nêu rõ bà Tôn Nữ Thị Tr, bà Tôn Nữ Anh T đã nhiều lần chuyển tiền thành công từ Ngân hàng TMCP S - phòng giao dịch A vào số tài khoản 1000190761 tại Ngân hàng C - chủ tài khoản là ông Lý Văn R và số tài khoản 1000092726 tại Ngân hàng C - chủ tài khoản là bà Nguyễn Thị Phương Th theo các phiếu chuyển tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và sự thừa nhận của phía bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với ông Lý Văn R.

Bị đơn ông Lý Văn R ủy quyền ông Đinh Thanh M trình bày tại các bản tự khai và các lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng như sau:

Trước đây bà Tôn Nữ Thị Tr và ông Lý Văn R có góp tiền làm ăn chung

với nhau. Từ năm 2000 đến tháng 4/2017, ông R và bà Tr xảy ra mâu thuẫn nên không còn làm ăn chung với nhau nữa. Ngày 26/8/2007, bà Tr có vay của ông R số tiền 11.248.600.000 đồng (mười một tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền này là tiền của ông R và nhà vợ ông R để kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn K, A, T tại Quận 12 và huyện H. Chứng cứ chứng minh việc bà Tr vay tiền của ông R là bà Tr nhờ cháu ruột là Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th ghi vào sổ và ký nhận tiền của ông R.

Phía bị đơn xác nhận tài khoản số 1000190761 tại Ngân hàng C Thành phố Hồ Chí Minh, chủ tài khoản là ông Lý Văn R và tài khoản số 1000092726 tại Ngân hàng C Thành phố Hồ Chí Minh, chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Phương Th và xác nhận đã nhận tổng cộng của bà Tr và cháu bà Tr là Tôn Nữ Anh T chuyển tiền vào số tài khoản của ông R là 4.260.000.000 đồng (bốn tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng), chuyển tiền vào số tài khoản của bà Th là 1.390.000.000 đồng (một tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, đây là tiền trả nợ vay của bà Tr và tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn.

Mặt khác, bà Tr cũng không có biên bản hoặc hợp đồng thể hiện cho ông R vay số tiền trên. Ông R không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Đinh Thanh M đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn R đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ trả lại đơn kiện cho nguyên đơn, vì các lý do :

- Chưa đủ điều kiện khởi kiện do đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi nhưng nguyên đơn trước khi khởi kiện không thông báo cho phía bị đơn một thời gian hợp lý.

- Hết thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn vay tiền và chuyển tiền cho bị đơn từ ngày 02/01/2013 đến 04/7/2013, tính đến ngày khởi kiện là ngày 09/5/2017 là 03 năm 10 tháng như vậy là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương Th ủy quyền cho ông Đinh Thanh M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương Th hiện là vợ hợp pháp của ông Lý Văn R. Bà Th và bà Tr không hề quen biết nhau. Trước đây ông R có mượn tiền của gia đình bà Th để làm ăn chung với bà Tr. Khi bà Tr có tiền thì ông R là người đưa số tài khoản của bà Th để bà Tr trực tiếp chuyển tiền qua cho bà Th. Khi bà Th phát hiện bà Tr và ông R có mối quan hệ bất chính nên bà Th chia tay ông R và sang Mỹ định cư.

Do đó, bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà phải chịu trách nhiệm riêng hoặc cùng với ông R trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 5.650.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Anh T trình bày:

Bà được biết năm 2013, cô của bà là bà Tôn Nữ Thị Tr có cho vợ chồng ông Lý Văn R, bà Nguyễn Thị Phương Th mượn tiền để chữa bệnh. Bà Tr có

nờ bà chuyển dùm tiền của bà Tr cho ông R mượn vào số tài khoản 1000190761 của ông R tại Ngân hàng C tại Thành phố Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

- Ngày 04/2/2013, bà chuyển số tiền 160.000.000 đồng từ số tài khoản của bà tại Ngân Hàng TMCP S - PGD A cho ông Lý Văn R, số tài khoản 1000190761 tại Ngân hàng C Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ngày 31/5/2013, bà chuyển số tiền 100.000.000 đồng từ số tài khoản của bà tại Ngân Hàng TMCP S - PGD A cho ông Lý Văn R, số tài khoản 1000190761 tại Ngân hàng C Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số tiền bà chuyển dùm cho bà Tr vào tài khoản của ông R là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bà cam kết số tiền trên là của bà Tôn Nữ Thị Tr. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu trên của bà Tôn Nữ Thị Tr.

Bà xác nhận chữ viết trong cuốn sổ phía bị đơn giao nộp cho Tòa án đề năm 2007 chỉ có một số chỗ là chữ viết của bà tuy nhiên cuốn sổ này mục đích khác, không liên quan đến ông R và cũng không liên quan đến bà Tr. Giữa bà với vợ chồng ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th không có bất kỳ quan hệ làm ăn nào cũng như quan hệ về tiền bạc.

Đối với cuốn sổ ghi số tiền hàng tháng theo bị đơn xuất trình, bà xác nhận chỉ ký xác nhận vài chỗ số tiền là bao nhiêu, nhưng bà hoàn toàn không nhận tiền. Bà cũng không nhận số tiền theo như phía bị đơn trình bày để đưa về cho bà Tr.

Bà đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Nữ Anh Th trình bày tại bản tự khai, biên bản đối chất và tại đơn đề nghị xử vắng mặt như sau:

Giữa bà với ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th không có quan hệ làm ăn và cũng không có bất kỳ liên quan gì về tiền bạc. Đối với việc người đại diện hợp pháp của ông Lý Văn R cho rằng bà có ký nhận tiền tại sổ ghi chép của ông R thì bà có ý kiến như sau:

Bà xác nhận trong cuốn sổ phía bị đơn cung cấp có một số là chữ viết của bà nhưng bà không nhận tiền của ông R. Giữa bà với ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th không có bất kỳ quan hệ làm ăn nào, ông R cho rằng bà nhận tiền của ông R là không đúng sự thật.

Bà đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thị Tr. Buộc ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th phải có trách nhiệm trả cho bà Tôn Nữ Thị Tr số tiền 5.650.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

2. Thời hạn thi hành: Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày bà Tôn Nữ Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông R, bà Th còn phải chịu tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 200/2017/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” là ông Lý Văn R cho đến khi thi hành án xong thì hết hiệu lực.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/01/2019, bị đơn ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng đình chỉ xét xử, trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Ông R và bà Tr có quan hệ tình cảm, phía ông R có chuyển 11.248.600.000 đồng cho bà Tr nhưng do có quan hệ tình cảm nên không có chứng cứ chứng minh. Việc bà Tr chuyển tiền cho ông R, bà Th là để chứng minh cho bà Th biết hai bên có quan hệ làm ăn, gửi lợi nhuận về cho ông R và bà Th chứ giữa bà Tr và ông R không có quan hệ tình cảm. Bà Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th thừa nhận có ký tên trong cuốn sổ, chứng minh có việc làm ăn chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Nữ Thị Tr.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đây là tranh chấp đòi tài sản. Nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu của mình. Trong số 14 phiếu chuyển tiền vào tài khoản của ông R, bà Tr không thể hiện việc giữa hai bên có sự vay mượn tiền. Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai chính bà Tr thể hiện việc góp vốn làm ăn chung. Lời khai này phù hợp với lời khai của ông R và hai người cháu của bà Tr. Việc chuyển tiền vào tài khoản với mục đích gì thì chỉ hai bên biết. Tòa sơ thẩm chỉ căn cứ vào các phiếu chuyển tiền để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Thanh M yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập bà Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th đến phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy bà Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa phúc thẩm lần thứ ba và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th.

[2] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bị đơn như sau:

[2.1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đinh Thanh M – đại diện theo ủy quyền của bị đơn làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2.2] Về nội dung kháng cáo:

[2.2.1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Tôn Nữ Thị Tr đã trực tiếp chuyển cho ông Lý Văn R số tiền 4.000.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Phương Th số tiền 1.390.000.000 đồng từ tài khoản tại Ngân hàng TMCP S đến tài khoản tại Ngân hàng C Thành phố Hồ Chí Minh của ông R, bà Tr, cụ thể:

- Chuyển vào tài khoản ông R: Phiếu chuyển tiền ngày 29/01/2013, số tiền 200.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 08/2/2013, số tiền 300.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 02/01/2013, số tiền 50.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 03/5/2013, số tiền 250.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 16/5/2013, số tiền 450.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 08/3/2013, số tiền 1.000.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 12/3/2013 số tiền 1.000.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 19/3/2013, số tiền 250.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 27/3/2013, số tiền 250.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền 18/4/2013, số tiền 250.000.000 đồng;

- Chuyển vào tài khoản bà Th: Phiếu chuyển tiền ngày 21/6/2013, số tiền 1.150.000.000 đồng; Phiếu chuyển tiền ngày 04/7/2013, số tiền 240.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Tr còn nhờ cháu là Tôn Nữ Anh T chuyển vào tài khoản của ông R số tiền 160.000.000 đồng theo phiếu chuyển tiền ngày 04/3/2013 và 100.000.000 đồng theo phiếu chuyển tiền ngày 31/5/2013. Số tiền này bà T xác định là của bà Tr nhờ bà T chuyển khoản cho ông R.

Do đó, bà Tôn Nữ Thị Tr khởi kiện yêu cầu ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th trả lại số tiền 5.650.000.000 đồng.

[2.2.2] Tại biên bản đối chất ngày 24/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/01/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Thanh M thừa nhận số tài khoản 1000190761 mở tại Ngân hàng C chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Lý Văn R và số tài khoản 1000092726 mở tại Ngân hàng C chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là của bà Nguyễn Thị Phương Th. Đồng thời, ông M cũng thừa nhận có việc bà Tr chuyển tiền cho ông R, bà Th và toàn bộ số tiền đã chuyển là 5.650.000.000 đồng đúng như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, ông M cho rằng nguyên đơn không đủ điều kiện khởi kiện nên đề nghị trả lại đơn khởi kiện, đình chỉ giải quyết vụ án. Ngoài ra, ông M còn xác định số tiền 5.650.000.000 đồng bà Tr chuyển cho ông R, bà Th là tiền lợi nhuận từ việc hợp tác kinh doanh và là tiền trả cho khoản vay ông R đã cho bà Tr vay trước đó.

Tại đơn kháng cáo ngày 23/01/2019, ông M đại diện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án vì nguyên đơn yêu cầu trả tiền vay nhưng chưa ra thông báo cho bị đơn trước một thời gian hợp lý và thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay là 03 năm đã hết. Như vậy, phía đại diện bị đơn đã thừa nhận rằng có việc vay tài sản là số tiền của bà Tr chuyển vào tài khoản của ông R, bà Th.

[2.2.3] Xét yêu cầu của bị đơn đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện: Bà Tr khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền 5.650.000.000 đồng bà đã chuyển khoản cho ông R, bà Th, thuộc tài sản hợp pháp của mình; các bên không có thỏa thuận về việc vay tiền, thời gian trả tiền, không thỏa thuận về lãi vay. Căn cứ Điều 155 Bộ luật dân sự thì việc đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu trả lại đơn khởi kiện với lý do hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

[2.2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự đều thừa nhận có việc chuyển tiền hợp pháp từ bà Tôn Nữ Thị Tr cho ông Lý Văn R, bà Nguyễn Thị Phương Th như đã nêu ở trên.

Mặc dù, phía bị đơn cung cấp các cuốn sổ ghi chép liệt kê thu chi và cho rằng giữa 02 bên có việc hợp tác kinh doanh khách sạn. Số tiền bà Tr chuyển

tiền cho ông R, bà Th là lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh và tiền ông R cho bà Tr vay trước đó. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc hợp tác kinh doanh hay việc ông R cho bà Tr vay số tiền 11.248.600.000 đồng như đã nêu. Cuốn sổ kê thu chi mà đại diện bị đơn cung cấp không thể hiện rõ đây là hoạt động hợp tác kinh doanh giữa ông R, bà Th với bà Tr; không có chữ ký hay chữ viết của bà Tr. Phía nguyên đơn xác định cuốn sổ mà bị đơn cung cấp là chứng cứ khởi kiện trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” giữa bà Từ Hồng V và ông Lý Minh Ch (em ông R) theo Thông báo thụ lý vụ án số 218/TB-TLVA ngày 03/4/2018, không liên quan đến vụ án này.

Hơn nữa, trong vụ án các đương sự cũng không yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh; phía bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với bà Tôn Nữ Anh T và Tôn Nữ Anh Th trả lại số tiền đã nhận theo số liệu tại cuốn sổ thu chi mà bị đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Tr yêu cầu được trả lại số tiền 5.650.000.000 đồng là có căn cứ. Ông R và bà Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà Th cũng trực tiếp nhận số tiền 1.390.000.000 đồng bà Tr chuyển thông qua tài khoản cá nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông R và bà Th cùng liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.650.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Thị Tr. Buộc ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th phải có trách nhiệm trả cho bà Tôn Nữ Thị Tr số tiền 5.650.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

2. Thời hạn thi hành: Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày bà Tôn Nữ Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông R, bà Th còn phải chịu tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 200/2017/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” là ông Lý Văn R cho đến khi thi hành án xong thì hết hiệu lực.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.650.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Tôn Thị Nữ Trinh 56.825.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0034447 ngày 22/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Văn R và bà Nguyễn Thị Phương Th, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0046127 và 0046128 ngày 15/2/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Khởi

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy